

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ EDMODO VÀO QUÁ TRÌNH VẬN DỤNG LÍ THUYẾT SIÊU NHẬN THỨC TRONG DẠY ĐỌC TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN THÁI LAN

APPLY EDMODO TECHNOLOGY TO THE PROCESS OF APPLYING
METACOGNITIVE THEORY IN TEACHING VIETNAMESE READING
SKILLS TO THAI STUDENTS

*Nguyễn Thị Hồng Chuyên**
*Songgot Paanchiangwong***

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ luôn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất. Các thành tựu công nghiệp hiện đại của các nước tiên tiến (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Âu,...) giúp cho tất cả các quốc gia trên thế giới được thụ hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp các thành quả và rút ngắn được khoảng cách công nghiệp. Theo đó, các sản phẩm công nghệ về giáo dục của các nước tiên tiến cũng từng bước được sử dụng vào trong giáo dục dưới nhiều hình thức.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã, đang diễn ra và có sức ảnh hưởng ngày càng lớn đến cuộc sống của con người. Với hàng loạt sản phẩm công nghệ mới trong tay như: Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn (SMAC)... cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ thay đổi hoàn toàn cách làm việc, tư duy cũng như các hệ giá trị mà con người đang có.

Đổi mới nền giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng là yêu cầu cũng như nhiệm vụ giúp cho mỗi quốc gia phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống xã hội và nguồn nhân lực. Để thực hiện nhiệm vụ này, vai trò của giảng viên (GV) đại học nói chung và GV giảng dạy tiếng Việt nói riêng giữ vai trò chủ đạo. Việc sử dụng công nghệ trong giảng dạy sẽ giúp cho GV tiếp cận các nguồn tri thức khoa học mới nhanh – chính xác, từ đó tạo ra các phương thức và phương tiện truyền thụ kiến thức hiệu quả hơn.

Edmodo là mạng xã hội được thiết kế phục vụ riêng cho hoạt động giáo dục nhằm giúp GV xây dựng một “*mạng xã hội*” riêng cho lớp học, mọi hoạt động trao đổi trực tiếp giữa GV và SV đều có thể đưa lên môi trường này. Hiện nay, Edmodo được sử dụng ở rất nhiều các quốc gia khác nhau. Một trong những điểm nổi bật của công nghệ là giao diện của Edmodo hỗ trợ cho nhiều ngôn ngữ khác nhau. Đồng thời, trên điện thoại, Edmodo cũng được hỗ trợ trên các chợ trực tuyến của Google (Play store) và Microsoft (Windows store) nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học ở mọi nơi, mọi lúc.

* Tiến sĩ, Trường Đại học Udon Thani Rajabhat, Thái Lan

** Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Udon Thani Rajabhat, Thái Lan.

Như vậy, việc ứng dụng các kết quả của công nghiệp 4.0 và cụ thể là công nghệ Edmodo trong vận dụng lí thuyết SNT vào việc dạy đọc tiếng Việt cho SV ngành Tiếng Việt du lịch là nội dung có cơ sở khoa học và thực tiễn.

2. Một số vấn đề lí luận liên quan đến đề tài

2.1. Khái quát về các phương tiện dạy học hiện đại trong thời kì công nghiệp 4.0

Trên cơ sở tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy có một số phương tiện dạy học được thiết kế trên nền tảng công nghệ đem lại hiệu quả giáo dục cao như:

Google Apps: Bộ công cụ Google Apps đang được rất nhiều người, tổ chức trên thế giới sử dụng. Đặc biệt, các tổ chức giáo dục có uy tín trên thế giới đều sử dụng bộ công cụ này. GV có thể khai thác triệt để bộ công cụ với 3 bộ phận: Google Docs, Google Drive và Google Hangouts. Cụ thể: Với Google Docs, các GV có thể khởi tạo tài liệu, bảng tính, tài liệu thuyết trình, đồng thời sử dụng nó để chia sẻ với SV; đưa ra những phản hồi, đánh giá trên những bài tập của SV. Google Docs có thao tác đơn giản, thân thiện và thay đổi hoàn toàn cách thức học tập của sinh viên cũng như giảng dạy của GV. Google Hangouts và Google Drive là các công cụ giúp GV trao đổi, cộng tác và chia sẻ kiến thức giữa GV và SV một cách sinh động và trực quan nhất.

Twitter: cũng là một công cụ tiềm năng. Nó là một công cụ giảng dạy và nguồn khai thác thông tin của hàng triệu GV khác nhau. Chẳng hạn, các GV có thể sử dụng Twitter như một cách tương tác trực tiếp và nhanh nhất với SV của mình. Song hành với trào lưu phát triển của điện thoại thông minh (smartphone), Twitter lại càng thể hiện vai trò không thể thiếu đối với GV và SV. Ngoài ra, việc “theo dõi” (follow) trên Twitter cũng là cách thức để giúp các GV cập nhật và thu nạp thêm những kiến thức mới nhằm bổ sung cho bài giảng ngày một phong phú.

Skype: là công cụ điển hình giúp GV và SV liên lạc với nhau một cách nhanh nhất, tiết kiệm nhất (phần lớn các trường hợp là miễn phí). Đặc biệt, Skype còn cung cấp một dịch vụ có tên gọi là Skype in the Classroom. Đây là dịch vụ vô cùng độc đáo không chỉ giúp các GV và SV tương tác với nhau và còn mở rộng việc tương tác giữa các lớp học với nhau. Với công cụ này việc học tập sẽ mang tính rộng mở, cạnh tranh và hấp dẫn hơn rất nhiều.

YouTube: là công cụ giúp cho GV và SV có thể tìm thấy bất kỳ bài giảng nào của các môn học từ tự nhiên cho đến xã hội, của mọi cấp học khác nhau... Các GV còn có thể sử dụng Youtube như là một công cụ để xây dựng bài giảng chuyên nghiệp chỉ với những thiết bị thông thường như điện thoại di động, máy tính bảng, camera,...

Dropbox: Với Dropbox, dữ liệu, tài liệu của GV sẽ được lưu trữ, chia sẻ, đồng bộ trên nền tảng điện toán đám mây. Tiện ích có thể thấy ngay là các GV có thể tạo một thư mục Dropbox trên máy tính và “quăng” tài liệu của mình vào đó. Ngay lập tức tài liệu cũng sẽ được lưu trữ trên “đám mây” Dropbox, giúp các GV có thể sử dụng tài liệu mọi lúc mọi nơi đồng thời chia sẻ với SV của mình bằng các thiết bị khác nhau tương tự như Evernote.

Edmodo: Công cụ này giúp các GV và SV tham gia một môi trường học tập và trao đổi hoàn toàn mới. Edmodo sẽ giúp GV xây dựng một “*mạng xã hội*” riêng cho lớp học, mọi hoạt động trao đổi trực tiếp giữa GV và SV đều có thể đưa lên môi trường này.

Đánh giá những ưu điểm và tính năng của các công cụ dạy học trên nền tảng công nghệ đem lại hiệu quả TS. Mai Văn Tinh (trường Đại học Columbia Southern University in Vietnam) đã chỉ ra các hiệu ứng cơ bản của môi trường số hóa đối với quá trình dạy – học gồm: Cải tiến chất lượng làm việc của trò và thực hành thông qua nghe nhìn; Cải tiến kỹ năng viết tay và ngôn ngữ qua xử lý từ ngữ; Thúc đẩy tốc độ riêng để nâng cao năng lực học cá nhân khi SV có thể theo kịp tiến độ và học tăng cường phù hợp với nhu cầu của họ; Giúp học hợp tác với chỉ dẫn đôi chút cho đối tượng người học cá biệt; Phát triển kỹ năng giao tiếp và nhận thức của đối tượng nghe; Tác động đến việc học dựa vào nguồn lực truy cập thông tin qua trang Website; Tăng cường thông tin liên tục, bổ sung chuẩn xác vào độ xác thực của nhiệm vụ học tập và thông tin nâng cao; Gia tăng động cơ người học qua hoạt động thực tế, nghe nhìn trực quan và cải tiến lối trình bày diễn đạt; Thúc đẩy học độc lập và những ưa thích cá nhân để xử lý, phác thảo, cách thiết kế bài giảng; Trang bị cho người học cách tự kiểm soát; Để cho người học tự làm ra sản phẩm đa phương tiện chất lượng cao; Thay đổi thực hành công cụ lập kế hoạch, chuyên mục đánh giá của GV; Tăng cường cơ hội học nâng cao và kinh nghiệm cho SV; Truyền cảm hứng để SV cam kết học và đóng góp vào hoạt động học tập; Phát triển tư duy của SV ở bậc cao hơn: năng lực ứng dụng kiến thức và kỹ năng phân tích vấn đề thách thức, nắm bắt khái niệm rộng, đưa ra ý tưởng và giải pháp mới.¹

2.1.2. Một số lí luận về công nghệ Edmodo

2.1.2.1. Khái niệm

Từ năm 2008, hai GV Nic Borg – Jeff và O’Hara – Crystal Hutter đã chính thức phát triển mạng học tập lớn nhất thế giới (năm 2008 với hơn 63.000.000 người dùng thuộc nhiều nhóm người như: GV – giáo viên – SV – học sinh, phụ huynh, chuyên gia,...). Edmodo được xây dựng trên quan điểm tập trung xây dựng nền tảng công nghệ nhằm giúp GV chủ động sử dụng công nghệ vào việc dạy học. Có thể nói: những tiện ích của Edmodo mang tính giáo dục rất cao.

2.1.2.2. Ưu điểm của mạng xã hội giáo dục Edmodo

Edmodo có các ưu điểm sau: Nền tảng an toàn và bảo mật; Môi trường đóng; Đăng ký tham gia dễ dàng, không cần cài đặt và không tốn chi phí bản quyền; Không yêu cầu thông tin từ cá nhân người học (trừ khi GV yêu cầu); SV chỉ có thể tham gia lớp học khi được GV mời; Tất cả các quá trình liên lạc của các thành viên đều được lưu trữ; GV có quyền kiểm soát tối đa; Edmodo giúp việc theo dõi tiến bộ học tập của SV trở lên dễ dàng hơn.

¹ Vũ Dũng (2008).

GV có thể giao bài tập, thiết kế câu hỏi trắc nghiệm (Quiz), thăm dò ý kiến (Polls), cho người học đánh giá chéo...; Phụ huynh của HSSV có thể tham gia vào lớp học để theo dõi quá trình học tập của con em mình.

2.1.2.3. Tính năng của Edmodo

a) Chia sẻ tài nguyên không giới hạn

Edmodo giúp GV và SV tương tác với nhau đa chiều nhờ các phương tiện và hình thức thông tin như: Chia sẻ các tài liệu dưới nhiều dạng khác nhau như: .doc; .ppt; .xls; .pdf; .mp3; .mp4;...; Chia sẻ liên kết tới các trang web hoặc nhúng thêm các ứng dụng trên nền flash như: prezi, voicethread, slideshare, các trò chơi, google forms, YouTube videos...; Sử dụng hoặc tự phát triển các ứng dụng học tập trên nền Edmodo như: các ứng dụng học phát âm, học từ vựng, ứng dụng chia sẻ giáo án dạy học qua dự án, ...; GV và SV có thể chia sẻ cùng một lúc nhiều tài nguyên với các định dạng khác nhau thông qua hoạt động giao bài tập, yêu cầu SV tự học thêm ở nhà hay gửi bài cho các em đọc tài liệu, xem video bài giảng trước mỗi bài học...; GV và SV cũng có thể kết hợp theo dõi về các lĩnh vực khác nhau như: giới thiệu, thông tin về hoạt động du lịch cũng như các địa điểm du lịch, giảng dạy tiếng Anh, công nghệ dạy học,...; đồng thời tạo ra cộng đồng học tập, chia sẻ thông tin giống như facebook page.

b) Cộng tác hiệu quả

Là mạng xã hội được thiết kế phục vụ riêng cho hoạt động giáo dục vì vậy chức năng cộng tác, giao tiếp giữa GV với SV và ngược lại được chú trọng và hỗ trợ tối đa. Việc tạo ra môi trường cộng tác, giao tiếp được tiến hành ở ba phạm vi:

Thứ nhất, lớp học Edmodo. Mục đích của việc tạo ra các lớp/nhóm GV – SV sẽ giúp cho việc chia sẻ tài nguyên, chia sẻ các ý tưởng về hoạt động dạy và học. Điều này sẽ giúp cho GV có mở rộng cách thiết kế các kịch bản giờ dạy cho phù hợp với SV; SV có thêm cơ hội bày tỏ quan điểm muốn tạo ra một giờ học phù hợp với năng lực và sở thích của bản thân.

Thứ 2, nhóm Edmodo nhỏ. Để tạo ra độ tương tác hiệu quả, trong các lớp/nhóm học có thể chia nhỏ theo các nhóm SV – SV nhỏ hơn (ít nhất là 2 SV). Điều này sẽ tạo cơ hội cho các nhóm thảo luận hiệu quả hơn bằng việc các cá nhân được trao cho cơ hội tham gia ý kiến hơn. Đồng thời, việc các nhóm nhỏ hình thành sẽ xử lý được một số vấn đề có tính “*riêng tư*” trong quá trình nhận thức.

Thứ ba, cộng đồng Edmodo. Để mạng lưới phát triển và số lượng cá nhân có thể tham gia đông, chúng ta có thể tạo ra mạng lưới liên kết giữa các nhóm/lớp với nhau, giữa bộ môn với khoa, giữa các khoa với nhau và với nhà trường. Hiện nay, xu hướng lớp học không giới hạn là một xu hướng phát triển mạnh. Đặc biệt với việc học ngoại ngữ thì xu hướng này càng trở nên bức thiết. Việc tạo ra các cộng đồng Edmodo sẽ cho phép GV và SV đa dạng hóa các hoạt động giao tiếp. Đem lại hiệu quả trong việc học ngoại ngữ.

c) Đẩy mạnh hoạt động dạy và học

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng công nghệ Edmodo sẽ tích hợp đa dạng các công cụ và ứng dụng. Từ đó, cho phép GV có thể lấy được nhiều phản hồi của SV thông qua các công cụ như: chức năng Polls – lấy ý kiến đánh giá; chức năng Quizzes – yêu cầu trả lời câu hỏi hay làm trắc nghiệm; chức năng Post – thảo luận, thông báo tin tức,...

Việc sử dụng Edmodo còn cho phép các cơ quan chủ quản (các trường) thiết lập mạng lưới quản lí thông qua việc tạo ra các tên miền con cho đơn vị mình và làm cho quá trình giáo dục thông suốt và minh bạch. GV có thể cập nhật kế hoạch từng tuần, từng tháng,... cũng như xem kết quả và hỗ trợ SV, phụ huynh khi cần thiết.

d) Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra, đánh giá là một khâu vô cùng quan trọng trong quá trình đào tạo. Quá trình này sẽ giúp cho GV đánh giá được mức độ hiểu biết về kiến thức, kĩ năng và khả năng thực hành của SV; đồng thời, là minh chứng để GV kiểm định lại mục tiêu dạy học; nội dung, phương pháp dạy học;... Với SV, khâu kiểm tra, đánh giá sẽ giúp các em biết trình độ của bản thân, từ đó điều chỉnh lại tổng thể khâu tiếp nhận tri thức của bản thân mình. Một số tính năng giúp cho việc kiểm tra, đánh giá:

- Tính năng giao bài (Assignments): Việc giao bài thông qua tính năng này giúp GV giao nhiệm vụ học tập đến SV cụ thể hơn cả về nội dung lẫn thời gian hoàn thành. Đặc biệt, với các lớp có số SV đông thì tính năng này giúp cho GV quản lí việc hoàn thành bài của SV rất hiệu quả. Bởi vì, khi SV làm bài tập thì tính năng sẽ ghi nhận thời gian hoàn thành. Điều này, giúp GV đánh giá chính xác hơn. Thông qua đó, GV có thể phản hồi đến SV để đánh giá kết quả bài tập được giao một cách chính xác và thiện cảm nhất.
- Tính năng ghi nhận kết quả bài tập (Gradebook): Khi kết thúc quá trình GV đánh giá bài tập của SV bằng việc cho điểm vào bài, tính năng này tự động cập nhật vào sổ điểm. SV sẽ được nhận được phản hồi ngay trong sổ điểm điện tử.
- Tính năng Badges được dùng để giúp cho GV thể hiện thái độ, ghi nhận sự tiến bộ, nỗ lực của SV bằng các danh hiệu do mình khởi tạo như: SV chăm chỉ, SV tích cực, SV của tuần, SV của tháng, SV trả lời hài hước nhất,...

Trên đây là toàn bộ những nội dung liên quan đến mạng xã hội Edmodo được áp dụng trong giáo dục. Chúng tôi nhận thấy, công cụ này rất hữu ích trong việc dạy tiếng Việt cho SV ngành Tiếng Việt du lịch. Sử dụng công cụ này, chúng tôi có thể tạo ra một lớp học mở: không chỉ trên lớp mà còn ngoài lớp học.

Đây là sự kiểm soát có định hướng đối với quá trình SV tự học ở nhà. Đồng thời, việc sử dụng phương pháp này sẽ giúp SV tiếp xúc với ngôn ngữ tiếng Việt đa chiều hơn và được tự do bày tỏ ý kiến của bản thân hơn.

2.1.3. Một số vấn đề về lý thuyết Siêu nhận thức (SNT)

a) Khái niệm SNT

Thuật ngữ SNT (*metacognitive*) bắt nguồn từ Hi Lạp. Trong tiếng Hi Lạp “*meta*” có nghĩa là “*sau/vượt qua*”, “*cognitive*” có nghĩa là “*nhận thức/hiểu biết*”. Do vậy, SNT là nhận thức vượt ra ngoài tư duy và đề cập đến chức năng cao hơn (chức năng tự điều khiển).

Từ khi chính thức xuất hiện (1976), hướng nghiên cứu về SNT đã thu hút rất nhiều các nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam quan tâm nghiên cứu như: J.H. Flavell, A.Brown, Tobias & Everson, H. M. Wellman, J. Wilson, Godwin & Kodituwakku, Teong Su Kwang, L.Baker, Vũ Dũng, Nguyễn Văn Thanh, Phan Thành Nghị,... Do cách tiếp cận ở những lĩnh vực khác nhau nên có rất nhiều các định nghĩa khác nhau về SNT. Trong phạm vi bài viết, tôi giới thiệu quan niệm của nhà tâm lý học người Mỹ J.H. Flavell – người đầu tiên đưa ra khái niệm về SNT: “*Sự hiểu biết của cá nhân liên quan đến quá trình nhận thức của bản thân, các sản phẩm và những yếu tố khác có liên quan trong đó còn đề cập đến việc theo dõi tích cực, điều chỉnh kết quả và sắp xếp các quá trình này để luôn hướng tới mục tiêu đặt ra*”[8].

b) Chức năng của SNT

Khi đề cập đến các chức năng của NST, Wilson (1998) đã chỉ ra ba chức năng cơ bản của SNT là: chức năng nhận biết (*awareness*), chức năng đánh giá (*evaluation function*), chức năng điều chỉnh (*regulation function*). Trong đó:

- Chức năng nhận biết (*awareness*) giúp người học nhận biết được chính bản thân mình, về những gì mình đã biết hoặc chưa biết. Chức năng này được xem là chức năng cơ sở cho các chức năng còn lại được thực hiện hiệu quả hơn.
- Chức năng đánh giá (*evaluation function*) giúp người học có phát hiện điểm mạnh, điểm yếu trong tư duy của bản thân trong những tình huống cụ thể. Từ đó, người học có thể lựa chọn cho mình cách giải quyết vấn đề đúng và phù hợp với bản thân.
- Chức năng điều chỉnh (*regulation function*) giúp cho người học tự điều chỉnh quá trình tư duy của mình. Nói cách khác, quá trình giải quyết vấn đề chức năng này giúp cho mỗi cá nhân điều khiển kiến thức, điều chỉnh tư duy và hình thành cho mình lối tư duy khoa học.²

Như vậy, với các chức năng trên, SNT giúp cho người học ý thức được bản thân, nhiệm vụ, có hướng giải quyết vấn đề hiệu quả và được điều chỉnh linh hoạt trong quá trình nhận thức. Điều này giúp cho người học nâng cao quá trình tự học, tự nhận thức một cách hiệu quả và khẳng định kết quả đổi mới phương pháp dạy học là hoàn toàn khả quan.

c) Tầm quan trọng của lý thuyết SNT trong dạy học

Trong quá trình đào tạo, người dạy và người học là hai đối tượng chính của quá trình đào tạo. Trong đó, người học vừa là đối tượng vừa là đích cần tiến tới của quá trình đào tạo.

² Wilson J. (1998).

Vì vậy, tôi chỉ ra một số điểm nổi bật khi áp dụng lí thuyết SNT trong việc thực hiện nhiệm vụ và chức năng dạy - học của hai đối tượng này.

Đối với người học, SNT có những vai trò như: *thứ nhất*, giúp cho các em nhận biết được các dữ kiện đã có và tự hình thành được hướng giải quyết vấn đề được đưa ra; nói cách khác, SNT giúp cho các em nắm và hiểu vấn đề khi tiếp cận một đối tượng mới; *thứ hai*, giúp cho người học tự đánh giá và điều chỉnh các khía cạnh của việc học; *thứ ba*, giúp cho người học dễ dàng theo dõi quá trình học của mình và trong những tình huống đưa ra những phương pháp giải quyết phù hợp cho từng tình huống cụ thể; *thứ tư*, giúp cho người học phát triển tư duy lôgic, tư duy chiến lược khi giải quyết vấn đề; *thứ năm*, giúp cho người học phát huy tính độc lập và thích ứng với các tình huống cụ thể, từ đó giúp các em thích nghi tốt với các vấn đề nảy sinh hay sự mất cân bằng giữa chủ thể với môi trường.

Đối với người dạy, SNT có những vai trò sau: *thứ nhất*, SNT hỗ trợ người dạy trong quá trình tự đào tạo; *thứ hai*, SNT giúp người dạy điều chỉnh hoạt động dạy học theo đối tượng người học theo mục tiêu và từng tình huống dạy học cụ thể.

Như vậy, trong quá trình dạy và học, việc áp dụng SNT giúp cho người học phát huy tính tích cực; đồng thời, giúp cho người dạy tư duy về quá trình tư duy của mình trong dạy học và truyền dạy kiến thức, kĩ năng đó cho người học, từ đó hình thành nên thể hệ người học có kĩ năng tư duy SNT.

2.1.4. Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và chuyên ngành Tiếng Việt du lịch trường Đại học Rajabhat Udon Thani, Thái Lan

a) Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

Trong xu thế hội nhập ngày càng diễn ra mạnh và sâu như hiện nay thì việc người nước ngoài học tiếng Việt ngày càng nhiều. Hiện nay, việc học tiếng Việt không chỉ bó hẹp trong các nhà trường tại Việt Nam mà còn có xu hướng phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu. Tiếng Việt trở thành môn học tự chọn ở nhiều quốc gia lân cận cùng khu vực cũng như trên thế giới và được triển khai từ bậc mầm non cho đến đại học và sau đại học.

Cũng giống như tất cả các môn học khác, phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài cũng xác định lấy người học là trung tâm. Tuy nhiên, người học ở đây được xác định là những cá nhân cụ thể với những khả năng, nhu cầu và sở thích riêng. Vì vậy, khi giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài GV cần chú ý một số vấn đề sau:

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc học tiếng Việt của người nước ngoài như: kinh nghiệm ngôn ngữ; động cơ học tiếng Việt; cách học; cá tính của cá nhân và các yếu tố khác như: *giới tính, tuổi tác, sở thích, hoàn cảnh gia đình,...*
2. Mục tiêu chính của người nước ngoài khi học tiếng Việt là giao tiếp. Tuy nhiên, việc hình thành các kĩ năng giao tiếp cần được phân loại và có hướng giảng dạy cho phù hợp. Cụ thể, với 4 kĩ năng giao tiếp cần đạt là: *nghe – nói - đọc - viết*, GV cần

xác định các kỹ năng giao tiếp có tính trực tiếp là: *nghe – nói*; các kỹ năng giao tiếp có tính gián tiếp là: *đọc – viết*.

3. Mục tiêu giao tiếp có các tác dụng đối với người học như: thỏa mãn nhu cầu, đáp ứng yêu cầu học tiếng Việt để giao tiếp; thúc đẩy, nâng cao động cơ học tập; việc học tiếng Việt diễn ra một cách tự nhiên; có điều kiện thực hành với những tình huống cụ thể và gắn gũi với đời sống thường ngày.
4. Khi giảng dạy tiếng Việt cần tuân thủ các nguyên tắc sau: tiếng Việt phải được sử dụng càng nhiều càng tốt; các tình huống xây dựng trong giảng dạy tiếng Việt cần gắn gũi với đời sống hàng ngày; các bài tập thực hành cần tập trung về ý nghĩa, nội dung hơn hình thức; người học chủ động thực hành và tranh luận;...

Trên đây là một số vấn đề về phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài mà GV cần quan tâm, chú ý. Trong phạm vi bài viết, tôi coi đây là một trong những tiêu chí, yêu cầu cần quan tâm trong việc xác định mục tiêu dạy học.

b) Chuyên ngành Tiếng Việt du lịch thuộc khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn trường Đại học Rajabhat Udon Thani

Sau 8 năm chính thức được mở, chuyên ngành: Tiếng Việt du lịch thuộc khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Rajabhat Udon Thani đã và đang đào tạo trên 217 sinh viên. Hiện nay, cơ cấu giảng viên của chuyên ngành gồm 6 giảng viên, trong đó: PGS: 1, TS: 2; ThS: 3. Giảng viên người Việt đang giảng dạy tại khoa là 3/6 giảng viên. Về chương trình đào tạo: các học phần lý thuyết được xây dựng với tính chất đồng tâm đi từ học phần phát âm đến dịch thuật trong lĩnh vực hoạt động du lịch. Đặc biệt, SV được nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt thông qua các học phần thực tế, thực tập tại các đơn vị liên kết như: Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên, các trường phổ thông ở vùng Đông Bắc – Thái Lan có dạy tiếng Việt, các công ty du lịch... Đây là những điều kiện cũng như đối tượng giúp tôi có cơ hội triển khai đề tài: ứng dụng công nghệ Edmodo vào quá trình vận dụng lý thuyết SNT trong việc dạy tiếng Việt cho SV nước ngoài.

2.2. Ứng dụng công nghệ Edmodo vào quá trình vận dụng lý thuyết SNT trong dạy đọc cho SV ngành Tiếng Việt du lịch

Việc sử dụng công nghệ Edmodo vào việc vận dụng SNT dạy đọc tiếng Việt cho SV người nước ngoài có rất nhiều phương pháp với các nội dung triển khai. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài chúng tôi nêu hai phương pháp sử dụng chính.

2.2.1. Tạo lớp học song song với hai dạng: Online và trực tiếp

Việc tạo ra hai môi trường tương tác giữa GV – SV và SV – SV trên lớp học trực tiếp (trên lớp) và lớp học online (trên công nghệ Edmodo) cho phép GV và HS đa dạng hóa các hoạt động trong học tập hơn. Cụ thể:

Đối với GV, giáo án dạng .doc; giáo án điện tử (PowerPoint), các file đọc do bản thân ghi âm sẽ được đẩy lên nhóm/lớp do mình tạo ra trên Edmodo. Cùng với đó, GV giao nhiệm vụ cho SV cần đọc và xem trước các bài đọc cho giờ học tới.

Đối với SV: các em truy cập vào lớp học online do GV cung cấp mã lớp và thực hiện theo yêu cầu của GV.

Ví dụ: Thiết kế các hoạt động (HĐ) của GV và SV thực hiện nhiệm vụ học tập văn bản **Hồ Núi Cốc**

1. Trước khi lên lớp: Trên lớp học online, GV cung cấp bài đọc giới thiệu về Hồ Núi Cốc dưới dạng văn bản; cung cấp file nghe do GV chuẩn bị với tốc độ đọc trung bình; cung cấp clip giới thiệu do Tạp chí Du lịch online giới thiệu. Yêu cầu SV đọc văn bản, nghe các file nghe và xem clip để từ đó có những hình dung về nội dung bài đọc, định hướng tra từ mới được tốt hơn và chuẩn bị trước các câu hỏi do bài đọc yêu cầu. Các hoạt động (HĐ) cụ thể:

HĐ 1: GV yêu cầu HS đọc nắm nội dung của bài đọc với 2 bước (đọc thầm và đọc to). Mục đích của HĐ này nhằm giúp SV nắm được mặt chữ, cải thiện được khả năng đọc và thông qua hoạt động tra từ mới để hiểu nội dung bài đọc.

HĐ của SV: SV phải tiến hành qua những bước sau:

Bước 1: SV phải tự đọc thầm và tra nghĩa từ mới để nắm nội dung.

Bước 2: SV nghe bạn đọc và sửa lỗi phát âm với những từ cá nhân chưa đọc được hoặc đọc chưa đúng. Bước này giúp SV cải thiện khả năng đọc và củng cố nhận diện nội dung bài đọc. SV sẽ nhận ra chủ đề của bài đọc nằm ngay trong tiêu đề của bài. Từ đó, SV bắt đầu có những nhận định về nội dung liên quan đến chủ đề Du lịch.

HĐ 2: GV yêu cầu SV lần lượt xác định các yêu cầu trả lời câu hỏi của bài và viết ra các câu trả lời.

Mục đích của HĐ nhằm giúp cho SV xác định 3 yêu cầu trả lời câu hỏi của bài, lập được kế hoạch cho hoạt động học của cá nhân. Nói cách khác, SV có chiến lược trả lời cho các yêu cầu của bài.

HĐ của SV: SV dựa theo việc xác định các yêu cầu trả lời câu hỏi của bài và áp dụng các phương pháp trả lời mà mình xác định cho từng trường hợp cụ thể. Cụ thể: SV xác định 3 yêu cầu trả lời câu hỏi cần thực hiện: Yêu cầu 1, thuộc dạng dựa vào bài trả lời thông tin (đúng/sai); Yêu cầu 2, dựa vào bài trả lời câu hỏi suy luận; Yêu cầu 3, xác định ý chính của bài đọc.

2. Lên lớp. GV cho SV đọc bài theo cách: đọc to từng tổ/nhóm và đọc cá nhân. Điều này giúp cho SV tự tin trong việc đọc, lĩnh hội văn bản. GV phát hiện các lỗi ngữ âm, từ vựng, ngữ điệu của SV và sửa cho các em. Sau đó, SV dịch bài và làm bài tập theo nhóm. Các HĐ cụ thể:

HD 3: GV yêu cầu SV thực hiện các HD 1 và HD 2 nhằm mục đích kiểm tra, đánh giá mức độ chuẩn bị bài và có hướng điều chỉnh các hoạt động tiếp theo của bài học.

HD 4: GV chia nhóm các SV để thảo luận, trao đổi xoay quanh việc thực hiện các yêu cầu của bài học và trả lời các câu hỏi: Trong các yêu cầu trên, yêu cầu nào là khó khăn nhất? Tại sao? Em đã làm gì để giải quyết khó khăn này?

Mục đích của HD: giúp SV có cơ hội trình bày tư duy của cá nhân; tạo ra sự hào hứng cho SV khi được trao đổi thảo luận những thuận lợi cũng như khó khăn khi thực hiện yêu cầu bài học; SV có cơ hội xem xét, đánh giá suy nghĩ của các SV khác.

HD của SV: SV tham gia thảo luận và đưa ra các ý kiến khác nhau.

GV tổng hợp các ý kiến lại và hình thành các ý chính:

- Với yêu cầu 1: SV xác định thông tin qua bài đọc. Nếu trùng khớp thì đánh dấu đúng còn không thì đánh dấu sai. Đây là dạng bài dễ nhất.

- Với yêu cầu 2: SV xác định thông tin từ bài đọc, trả lời theo ý hiểu của mình. Đối với yêu cầu này, câu trả lời của SV phải đáp ứng các yêu cầu: 1. đúng nội dung; 2. đúng chính tả; 3. đúng ngữ pháp; 4. đọc đúng con chữ.

HD 5: GV chỉ ra cho SV, để giải quyết các vấn đề của bài học nếu gặp khó khăn có thể do: chưa nắm được nội dung của bài đọc; chưa xác định được nội dung của câu hỏi. Vì vậy, để trả lời các yêu cầu, SV cần nắm được nội dung của bài học và phải xác định đúng trọng tâm của câu hỏi để trả lời. GV hướng dẫn SV tìm các từ khóa, các nội dung cần quan tâm và liên quan trực tiếp đến câu hỏi.

Mục đích của HD: Tập luyện cho SV khả năng kiểm tra, đánh giá, nhận ra điểm thiếu sót trong tư duy của cá nhân. Từ đó, các em có sự chuyển hướng chú ý và điều chỉnh tư duy. Sự điều chỉnh này là lần điều chỉnh thứ 2 trong tư duy của SV.

HD của SV: Dựa theo hướng dẫn trên, SV huy động các kiến thức, phương pháp và cách trả lời để áp dụng cho từng yêu cầu cụ thể. Nếu với vấn đề 2 và 3, SV còn vướng mắc thì GV có thể gợi ý bằng những từ khóa trong câu trả lời để SV có thể tập trung chú ý và trả lời được.

HD 6: GV yêu cầu SV thực hiện viết các câu trả lời.

Mục đích của HD: giúp SV tự tin trong câu trả lời và bổ sung thêm nhận thức mới về một nội dung mới của bài học. Đồng thời, khắc sâu cho SV các kiểu/dạng câu hỏi và cách trả lời. Từ đó, hình thành khả năng tiếp nhận bài đọc từ góc độ tự xây dựng dàn ý của bài đọc, hình thành tư duy bao quát và mở rộng vốn từ vựng cũng như tri thức văn hóa mới của tiếng Việt.

HD của SV: SV sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi.

3. Sau khi lên lớp. SV thực hành các sản phẩm độc lập là các bài viết cá nhân dựa theo bài đọc. Tranh luận các vấn đề phát sinh về một chủ đề thuộc một địa điểm du lịch tự chọn; xây dựng nhật kí học tập của cá nhân và sổ tay du lịch theo tập thể. Các HD cụ thể:

HD 7: SV thực hành các sản phẩm độc lập và đánh giá các sản phẩm trong lớp.

HD 8: GV yêu cầu SV ghi nhật kí học tập và sổ tay du lịch về cảm nhận và thông tin du lịch ở Việt Nam theo bài đọc.

Mục đích của HD: giúp SV nắm được kiến thức về du lịch, nâng cao khả năng sử dụng thành thạo tiếng Việt với các lớp từ vựng chuyên ngành; đồng thời giúp các em theo dõi được sự tiến bộ của tư duy của bản thân, bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt và có thêm hứng thú với các giờ học tiếng Việt.

HD của SV: SV ghi nhớ thêm về khí hậu Việt Nam, thời điểm và các loại hình du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu đi du lịch của du khách.

Như vậy, bài đọc sẽ được tiếp cận theo ba không gian (Trước khi lên lớp – Lên lớp – Sau khi lên lớp) với độ khó và kĩ năng làm việc độc lập của SV tăng lên rõ rệt. Nhờ có môi trường tương tác của Edmodo, SV gia tăng khả năng tương tác và đa dạng các hình thức tiếp cận bài đọc; đồng thời, các kĩ năng SNT như: Xác định mục tiêu, nội dung bài học theo định hướng và có kế hoạch học tập một cách cụ thể, rõ ràng và khoa học; Quá trình giải quyết vấn đề của SV được các em tiến hành theo các trình tự dưới sự tự theo dõi, đánh giá và điều chỉnh của bản thân ... được nâng lên thông qua các quá trình rèn luyện.

2.2.2. Đánh giá

Đánh giá là một trong những khâu quan trọng của quá trình đào tạo, vừa mang tính kết luận vừa là tiền đề để đạt mục tiêu dạy tiếng Việt nói chung và dạy đọc cho SV nước ngoài nói riêng. Việc áp dụng Edmodo cho phép GV và SV đánh giá thường xuyên và chính xác hoạt động học tập của SV. Từ đó, kết quả đánh giá trở nên minh bạch, rõ ràng và có định hướng giúp cho SV nỗ lực sau từng giờ học. Cụ thể:

a) Hình thức trắc nghiệm

Trắc nghiệm là một trong những hình thức giúp cho SV nắm được thông tin của bài đọc nhanh nhất và có định hướng về nội dung bài đọc, tạo ra cho SV tâm thế thoải mái khi tiếp cận bài đọc. Các bài tập theo hình thức trắc nghiệm sẽ đi cùng với các bài đọc và giúp cho SV khi tiếp cận bài có thêm cơ hội lựa chọn hiểu bài đọc.

Chẳng hạn: khi GV đưa ra các bài đọc kèm theo các bài trắc nghiệm. SV đọc bài có thể không hiểu hết nội dung nhưng qua trả lời các câu hỏi ngắn các em có thể nắm nội dung bài đọc sâu hơn. Đặc biệt, các bài trắc nghiệm này rất hiệu quả với việc SV đọc từ bới: Việc đọc sai ngữ âm của SV là phổ biến và việc đọc sai là một trong những nguyên nhân dẫn đến không hiểu ý của từ. Vì vậy, tại bước 1 của khâu đưa bài đọc, GV có thể sử dụng tính năng Quizzes để tạo ra ngân hàng câu hỏi khác nhau với các dạng câu hỏi: đúng/sai, điền vào ô trống,... để SV Test nhanh khả năng đọc bằng mắt của mình. Đặc biệt, khi SV làm các bài này thì hệ thống sẽ tự động chấm điểm và điểm này sẽ được hệ thống ghi nhận. SV có thể luyện tập làm bài kiểm tra nhiều lần. Điều này sẽ tạo ra hứng thú cũng như giúp cho SV nâng cao khả năng nhận thức dưới sự điều khiển của các kĩ năng SNT.

Việc tạo ra và yêu cầu SV làm các bài tập dạng trắc nghiệm cho phép GV theo dõi quá trình SV luyện tập, nhận biết được hạn chế từ SV và điều chỉnh kịp thời đối với từng SV.

Ví dụ: Câu hỏi trắc nghiệm trong chức năng Quiz:

Câu 1: Trong bài đọc “*Những điểm sấm mây nổi tiếng ở miền Bắc*” có bao nhiêu địa điểm được nhắc tới?

- a. 5 b. 6 c. 7 d. 8

Câu 2: Có mấy điểm sấm mây ở tỉnh Lào Cai được giới thiệu?

- a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

Câu 3: Điểm sấm mây Y Tý nằm ở phía nào của tỉnh Lào Cai?

- a. Đông b. Tây c. Nam d. Bắc

b) Đối với hình thức kiểm tra tự luận

Dựa trên tính năng Assignment, GV có thể tạo và giao bài tập cho SV dễ dàng. Đồng thời, tính năng này còn cho phép GV gửi các tài liệu liên quan, các trang web,... để SV tham khảo trong quá trình xử lý bài tập.

Với thời gian hạn định của các bài tập được ghi rõ ràng và yêu cầu SV hoàn thành đúng thời hạn, việc trả bài của SV sẽ được hệ thống ghi nhận chính xác. Những trường hợp SV quên hoặc không làm sẽ được hệ thống thông báo. Nếu GV cho phép SV nộp muộn thì hệ thống sẽ ghi nhận và quyết định đến điểm số của bài làm một cách khác quan.

Đặc biệt, tính năng này cho phép SV nộp bài dưới nhiều hình thức: có thể là file word, file ảnh,... Vì vậy, GV có thể cho điểm SV dễ hơn, nhanh hơn và chính xác hơn. Đồng thời, việc nhận xét của GV cũng đa dạng, linh hoạt hơn. Có thể dùng biểu tượng icon nhưng cũng có thể dùng các lời nhận xét dí dỏm.

Khi GV chấm bài cho điểm, điểm số của SV sẽ tự động cập nhật trong tính năng gradebook. Tính năng này cho phép GV tải về máy tính dưới nhiều định dạng khác nhau giúp GV hoàn thành hồ sơ dạy học.

Một ưu thế khác của lớp học trong Edmodo là khi điểm số được GV cho và cập nhật trong tính năng gradebook thì SV có thể ngay lập tức xem điểm của mình. Từ đó, các em có thể phản hồi về bài làm của mình. Điều này cho phép SV tăng cường khả năng tương tác, tạo ra sự độc lập và tự chủ, đảm bảo quyền lợi của SV.

3. Kết luận

Chúng tôi đã tiến hành ứng dụng công nghệ Edmodo vào quá trình vận dụng lý thuyết SNT trong việc dạy đọc tiếng Việt cho SV năm 3 và năm 4 chuyên ngành Tiếng Việt du lịch thuộc khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn trường Đại học Rajabhat Udon Thani, Thái Lan trong 2 học kỳ (học kỳ 2 năm học 2017 - 2018 và học kỳ 1 năm học 2018 – 2019). Kết quả ghi nhận thông qua các bài kiểm tra đầu kì, giữa kì và cuối kì cho thấy:

- Khả năng đọc của SV năm 3 và năm 4 được nâng lên. SV hứng thú với cách học tập qua công cụ Edmodo. Cụ thể: SV có thể đọc văn bản trôi chảy; trả lời được các câu hỏi theo bài đọc; viết được các bài tự luận theo yêu cầu;...
- SV xem lại các nội dung bài học đã qua, luyện tập lại và thông qua các tương tác trong lớp học đã đa dạng hóa các nội dung bài học trong nhóm, lớp.
- Các kĩ năng SNT của SV được rèn luyện thông qua các hoạt động: Xác định mục tiêu, nội dung bài học theo định hướng và có kế hoạch học tập một cách cụ thể, rõ ràng và khoa học; Quá trình giải quyết vấn đề của SV được các em tiến hành theo các trình tự dưới sự tự theo dõi, đánh giá và điều chỉnh của bản thân; SV chủ động tư duy và sáng tạo trong quá trình giải quyết vấn đề mà bài học đặt ra; SV tiếp nhận bài học chủ động và thích ứng linh hoạt với các dạng bài tương tự.

Đối với việc vận dụng SNT trong dạy tiếng Việt nói chung và dạy đọc tiếng Việt nói riêng cho SV ngành Tiếng Việt du lịch thuộc khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Rajabhat Udon Thani thì việc áp dụng công nghệ Edmodo cho phép GV và SV tăng cường khả năng tương tác và nâng cao hiệu quả dạy và học của SV. Đặc biệt, quá trình tự học ở nhà của SV được kiểm soát tích cực từ cả SV lẫn GV. GV có thể giúp SV tự học, tự nghiên cứu dưới sự trợ giúp của SV. SV thông qua các lớp học online và lớp học truyền thống (lên lớp) sẽ nâng cao khả năng nhận thức và tư duy phản biện (SNT).

Các kĩ năng đọc của SV được nâng cao rõ rệt. SV có khả năng đọc đúng con chữ, đúng ngữ âm và ngữ của văn bản. Từ đó, SV đi sâu vào đọc hiểu và sáng tạo văn bản thông qua các tương tác trong và ngoài lớp học. Đặc biệt, các kiến thức được cập nhật trên Edmodo có tính lưu trữ cao sẽ giúp cho SV tự rà soát và xem lại nhật kí học tập. Các em sẽ tự rút kinh nghiệm và tự tin hơn trong giao tiếp tiếng Việt ở mọi hoàn cảnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Dũng (2008). *Từ điển tâm lí học*. Hà Nội: NXB Từ điển bách khoa.
2. Nguyễn Thành Đức, Trịnh Hồng Tính (2011). Mức độ sử dụng các chiến lược đọc nhận thức và SNT của SV chuyên ngành Anh văn. *Tạp chí Khoa học*, Đại học Cần Thơ (19b – 104 -109).
3. Hồ Thị Hương (2013). *Nghiên cứu lí thuyết SNT (Metacognitive theory) và đề xuất khả năng ứng dụng trong giáo dục phổ thông*. Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Viện – Mã: V2012-17, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
4. Phạm Thành Nghị (2011). *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Thanh (2012). “Rèn luyện kĩ năng siêu nhận thức cho HS lớp 7 trong dạy học toán tỉ lệ thức”, *Tạp chí Giáo dục*, 290, tr. 26-28.
6. Ủy ban khoa học về hành vi xã hội và giáo dục (2007). *Phương pháp học tập tối ưu: trí tuệ, tư duy, kinh nghiệm và nhà trường*. TP Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp.

7. Brown A. (1987). *Metacognition, executive control, self-regulation and other more mysterious mechanisms*, In *Metacognition, Motivation and Understanding*. USA: Erlbaum, NJ.
8. Flavell J. H. (1976). *Metacognitive aspects of problem solving*. USA: The Nature of intelligence.
9. Wellman H. M. (1985). *Origins of Metacognition, In Metacognition, Cognition and human performance*. USA: Orlando, Florida.
11. Wilson J. (1998). *The Nature of Metacognition: What do primary school problem solvers do?*. Australia: National AREA conference, Melbourne University.